

Bản án số: 11/2018/HS-ST
Ngày: 01/02/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH - TP. HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Trần Hữu Ngôn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Lê Thị Hoàng Liễu.

2/ Ông Lại Hữu Tâm.

- Thư ký phiên toà: Ông Phạm Thanh Bình – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Thanh Hòa - Kiểm sát viên.

Trong ngày 01 tháng 02 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 04/2018/HSST ngày 09/01/2018 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Lê Hoàng V**; Sinh năm: 1986 tại Thành phố H; Nơi ĐKKHKT: 258/78 đường D, phường H1, quận T, Thành phố H; Nơi cư trú: 451/61L1 đường P1, phường B, quận T, Thành phố H; Nghề nghiệp: không; Trình độ học vấn: 10/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Văn D và bà Lương Thị H; Hoàn cảnh gia đình: bị cáo chưa có vợ con.

Tiền án: Ngày 21/8/2013 bị Tòa án nhân dân quận M xử phạt 03 năm tù về tội “Cướp giật tài sản” (theo bản án số 97/2013/HSST). Chấp hành xong hình phạt tù ngày 05/12/2015.

Tiền sự: không.

Nhân thân: Ngày 14/9/2017 bị Tòa án nhân dân huyện B áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, thời gian 21 tháng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy (Quyết định số 535/QĐ-TA).

Bị bắt, tạm giam từ ngày 22/9/2017, có mặt.

2. Họ và tên: **Nguyễn Tấn P**; Sinh năm: 1989 tại Thành phố H; Nơi ĐKKHKT: 73/22 đường D, phường M, quận T, Thành phố H; Nơi cư trú: không nơi cư trú nhất định; Nghề nghiệp: làm hồ; Trình độ học vấn: 07/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn P và bà Châu Thị S; Hoàn cảnh gia đình: bị cáo chưa có vợ con.

Tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân:

- Ngày 19/01/2012 bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận T ra quyết định số 407/QĐ-UBND đưa vào cơ sở chữa bệnh trong thời gian 24 tháng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Đến ngày 06/01/2014, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận T ra quyết định số 46/QĐ-UBND áp dụng biện pháp quản lý sau cai nghiện ma túy, thời gian 24 tháng kể từ ngày 30/01/2014.

- Ngày 14/9/2017 bị Tòa án nhân dân huyện B áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, thời gian 21 tháng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy (Quyết định số 528/QĐ-TA)

Bị bắt, tạm giam từ ngày 22/9/2017, có mặt.

Bị hại: Ông Võ Văn T, sinh năm: 1989 (có mặt)

Địa chỉ: C9/53G ấp 4A, xã B, huyện B, Thành phố H.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Dương Thanh C, sinh năm: 1977 (vắng mặt).

Địa chỉ: 432B/28F đường D, phường M, quận T, Thành phố H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Hoàng V và Nguyễn Tấn P có mối quan hệ là bạn bè, do không có tiền tiêu xài nên vào khoảng 15 giờ 00 phút ngày 30/6/2017, V điều khiển xe Wave (không rõ biển số) đến khu vực phường B, quận T, Thành phố H rủ Nguyễn Tấn P đi tìm tài sản để trộm cắp, P đồng ý và điều khiển xe chở V đi. Khi đến trước nhà số C9/53G ấp 4, xã B, huyện B, Thành phố H thì cả hai phát hiện cửa rào của căn nhà không khóa. V nói P đứng ngoài canh giới, còn V vào trong nhà dắt chiếc xe máy hiệu SH, biển số 59L1-832.96 của ông Võ Văn T ra ngoài, sau đó ngồi lên xe cho P điều khiển xe Wave đẩy đi. Khi đến khu vực phường 1, quận 8, V nói P đi về, còn V rủ ông Dương Thanh C ra quán nhậu để thỏa thuận cầm chiếc xe vừa trộm được cho ông C, ông C đồng ý nhưng ông C không biết chiếc xe là tài sản do V trộm cắp mà có. Lúc này ông C đưa cho V 4.000.000 đồng, V chia cho P 800.000 đồng. Ngày 01/7/2017, ông C đưa cho V thêm 7.000.000 đồng, V đem số tiền nhận được tiêu xài hết. Đến ngày 04/7/2017, V tiếp tục nói ông C đưa thêm 5.000.000 đồng, do không còn tiền nên ông C đem chiếc xe cầm lại cho một người tên Tí (không rõ lai lịch) với số tiền 16.000.000 đồng và đưa cho V 5.000.000 đồng, V chia cho P 2.000.000 đồng. Số tiền cầm xe có được V và P đã tiêu xài hết.

Ngày 09/7/2017, ông Võ Văn Thành (cha của ông Võ Văn T) đã đến Công an xã Bình Hưng trình báo sự việc bị mất trộm xe. Qua truy xét, cơ quan công an đã đưa V và P về trụ sở làm việc, sau đó lập hồ sơ ban đầu chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bình Chánh thụ lý theo thẩm quyền.

Căn cứ công văn số 1471/HĐĐG-TTHS-TCKH ngày 27/7/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Bình Chánh đã xác định: 01 chiếc xe gắn máy hiệu Honda SH150I, biển số 59L1-83296 trị giá 58.500.000 đồng.

Tại Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Bình Chánh, Lê Hoàng V, Nguyễn Tấn P đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung nêu trên.

Vật chứng trong vụ án: 01 xe gắn máy hiệu Honda SH150I, biển số 59L1-832.96 và 01 xe gắn máy hiệu Wave không rõ biển số do các bị cáo sử dụng làm phương tiện phạm tội, Cơ quan điều tra không thu giữ được.

Tại bản Cáo trạng số 11/CTr-VKS ngày 04/01/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố các bị cáo Lê Hoàng V, Nguyễn Tấn P về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm e khoản 2 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009). Tại phiên tòa, kiểm sát viên giữ quyền công tố sau khi nêu tóm tắt nội dung vụ án, phân tích tính chất của vụ án, những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 138, điểm p khoản 1 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009), xử phạt Lê Hoàng V từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù.

Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 138, điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009), xử phạt Nguyễn Tấn P từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử lý trách nhiệm dân sự theo luật định.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, bị hại;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Bình Chánh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của các Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của các bị cáo: Vào khoảng 15 giờ ngày 30/6/2017, tại trước nhà số C9/53G ấp 4, xã B, huyện B, Thành phố H, Lê Hoàng V, Nguyễn Tấn P đã có hành vi lén lút lấy trộm một xe gắn máy hiệu Honda SH150I, biển số 59L1-832.96 của ông Võ Văn T. Tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo V, P đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như cáo trạng đã truy tố. Lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án và phù hợp với kết quả thẩm tra tại phiên tòa.

Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội có đồng phạm nhưng mang tính chất giản đơn, không có tổ chức. Bị cáo Lê Hoàng V là người khởi xướng, rủ rê người khác phạm tội và cũng là người trực tiếp rủ thực hiện hành vi phạm tội, do đó khi quyết định hình phạt cần xác định bị cáo V là người chịu trách nhiệm hình sự với vai trò chính trong vụ án. Đối với bị cáo Nguyễn Tấn P phạm tội với vai trò đồng phạm giúp sức nên được cân nhắc khi quyết định hình phạt so với bị cáo V.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội. Tại thời điểm phạm tội, các bị cáo là người trưởng thành, có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, có khả năng nhận thức, điều khiển hành vi của mình. Các bị cáo biết việc trộm cắp tài sản hợp pháp của người khác là trái với quy định của pháp luật nhưng vì vụ lợi nên các bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Tài sản các bị cáo chiếm đoạt có giá trị 58.500.000 đồng, đây là tình tiết định khung tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo Lê Hoàng V, Nguyễn Tấn P được quy định tại điểm e khoản 2 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy có đủ căn cứ để kết luận: Hành vi của các bị cáo Lê Hoàng V, Nguyễn Tấn P đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại e khoản 2 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) và xét thấy cần áp dụng hình phạt nghiêm, buộc các bị cáo phải chấp hành hình phạt tù trong một thời gian nhất định để răn đe, giáo dục các bị cáo và phòng

ngừa chung cho xã hội, buộc các bị cáo bồi thường cho bị hại số tiền tương đương giá trị tài sản bị chiếm đoạt không thu hồi được.

[3] Về nhân thân: Các bị cáo có nhân thân xấu, đều đã bị xử lý hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Riêng bị cáo Lê Hoàng V có 01 tiền án: ngày 21/8/2013 bị Tòa án nhân dân quận 10 xử phạt 03 năm tù về tội “Cướp giật tài sản”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 05/12/2015, bị cáo chưa được xóa án tích mà lại phạm tội mới với lỗi cố ý, do đó lần phạm tội này của bị cáo V thuộc trường hợp tái phạm, đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo V được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009). Do đó, khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử cần có xem xét và áp dụng mức hình phạt phù hợp với nhân thân của các bị cáo. Tuy nhiên, tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, riêng bị cáo P phạm tội lần đầu với vai trò giúp sức, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo được quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 138, điểm p khoản 1 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009), xử phạt Lê Hoàng V từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù.

Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 138, điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009), xử phạt Nguyễn Tấn P từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về vật chứng: 01 xe gắn máy hiệu Honda SH150I, biển số 59L1-832.96 và 01 xe gắn máy hiệu Wave không rõ biển số do các bị cáo sử dụng làm phương tiện phạm tội, Cơ quan điều tra không thu giữ được nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, bị hại ông Võ Văn T yêu cầu các bị cáo Lê Hoàng V, Nguyễn Tấn P cùng có trách nhiệm bồi thường số tiền 58.500.000 đồng là giá trị chiếc xe gắn máy hiệu Honda SH150I, biển số 59L1-832.96 mà các bị cáo đã chiếm đoạt trái phép của ông (theo kết luận về giá tài sản trong Công văn số 1471/HĐĐG-TTHS-TCKH ngày 27/7/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Bình Chánh). Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo V, P cũng chấp nhận bồi thường số tiền nêu trên theo yêu cầu của ông T, xét thấy sự thỏa thuận của bị hại và các bị cáo là tự nguyện và không trái pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Đối với ông Dương Thanh C là người đã cầm chiếc xe gắn máy hiệu Honda SH150I, biển số 59L1-832.96 do các bị cáo trộm được, do ông C không biết chiếc xe là tài sản do phạm tội mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không có cơ sở xử lý.

Đối với đối tượng tên Tý là người đã cầm lại chiếc xe gắn máy hiệu Honda SH150I, biển số 59L1-832.96 từ ông C, do chưa xác định được lai lịch của Tý nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không có cơ sở xử lý.

Các bị cáo chiếm đoạt chiếc xe của ông Võ Văn T và đem đi cầm cho ông Dương Thanh C lấy số tiền 16.000.000 đồng và đem tiêu xài hết. Tại phiên tòa, ông C vắng mặt nhưng hồ sơ vụ án thể hiện ông C không yêu cầu các bị cáo hoàn lại số tiền nêu trên nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[6] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Lê Hoàng V, Nguyễn Tấn P phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 138, điểm p khoản 1 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Xử phạt bị cáo Lê Hoàng V 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 22/9/2017.

Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 138, điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Xử phạt bị cáo Nguyễn Tấn P 03 (ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 22/9/2017.

Áp dụng khoản 1 Điều 42 Bộ luật Hình sự năm 1999 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009); Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015.

Buộc các bị cáo Lê Hoàng V, Nguyễn Tấn P có trách nhiệm liên đới bồi thường cho ông Võ Văn T số tiền 58.500.000 đồng (năm mươi tám triệu năm trăm ngàn đồng) ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp các bị cáo chậm thực hiện nghĩa vụ bồi thường thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Ghi nhận người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Dương Thanh C không có yêu cầu về dân sự.

Áp dụng Điều 135, khoản 2 điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Lê Hoàng V, Nguyễn Tấn P mỗi bị cáo chịu 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm

Buộc các bị cáo Lê Hoàng V, Nguyễn Tấn P cùng chịu 2.925.000 đồng (hai triệu chín trăm hai mươi lăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Các bị cáo, ông Võ Văn T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được toàn sao bản án hoặc bản án được niêm yết theo qui định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND TP.Hồ Chí Minh
- Công an H. Bình Chánh;
- VKSND H. Bình Chánh;
- Chi cục THA dân sự H.Bình Chánh;
- PC 53- Công an TP. HCM;
- Sở Tư pháp TP. HCM;
- Bị cáo, đương sự;
- Lưu HS;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Hữu Ngôn